| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 04 - 7 - 2025
Về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Lê Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Phi Trung

2. Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Nguyễn Đức Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2025/TLST-DS ngày 25/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2025/QĐXXST-DS ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: X, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty A)

Địa chỉ trụ sở: Y, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty A: Ông Lê Ngọc T

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty A: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978

(Theo các Giấy ủy quyền 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Giấy ủy quyền số 1554/2023/UQ-TGĐ ngày 29/05/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: R, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bà T1 vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Thân Lê N trình bày như sau:*

Ngày 12/7/2017, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T1, loại thẻ visa, số thẻ 4720750 - 6722, hạn mức sử dụng là 49.000.000 đồng, được nâng lên thành 109.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.665.211.113 đồng và thanh toán cho Ngân hàng 2.563.257.561 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở bà Nguyễn Thị T1 thanh toán khoản tiền còn thiếu cho Ngân hàng nhưng bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng. Do bà Nguyễn Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 23/3/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 124.625.447 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9% (lãi suất trong hạn 2,6% x 150%).

Ngân hàng tiếp tục thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T1, yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng

thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T1 trả nợ, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, ngày 06/10/2023, Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 193.967.011 đồng bao gồm nợ gốc là 124.625.447 đồng và lãi quá hạn là 69.341.564 đồng.

Tính đến ngày 04/7/2025, tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 thanh toán là 319.041.047 đồng (Ba trăm mười chín triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng), gồm nợ gốc là 124.625.447 đồng và lãi quá hạn là 194.415.600 đồng; lãi phát sinh từ ngày 05/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

*Tại phiên tòa,*

Người đại diện diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Thân Lê N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày, không có yêu cầu phản tố.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/7/2017 đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ R, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a

Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 3, Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/7/2025. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án này theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Thân Lê N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, Thông báo tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/7/2017 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các chứng từ theo dõi nợ do Ngân hàng nộp cho Tòa án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/7/2017, bà Nguyễn Thị T1 ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức hạn mức sử dụng là 109.000.000 đồng, mục đích tiêu

dùng cá nhân. Do bà Nguyễn Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 23/3/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 3,9% (bằng lãi suất trong hạn 2,6% x 150%). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/7/2025, bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc là 124.625.447 đồng, lãi quá hạn là 194.415.600 đồng, tổng cộng là 319.041.047 đồng.

[3.2] Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/7/2017 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành giữa các bên. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T1 đã không trả nợ gốc và tiền lãi đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/07/2017 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (có hiệu lực từ ngày 20/9/2013).

[3.3] Mặt khác, trong vụ án này nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên (mục đích vay tiêu dùng cá nhân), không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự.

[3.4] Từ nhận định nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp thuận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 4.849.000 đồng đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022656 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.952.052 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Điều 3, Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 319.041.047 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười chín triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó bao gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 124.625.447 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng)

Tiền lãi quá hạn: 194.415.600 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/7/2017 đã ký kết giữa các bên.

**2.** Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.952.052 đồng (Mười lăm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

2.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.849.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022656 ngày 28/12/2023 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh).

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**